

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **41/2019/HS-ST**

Ngày: 07/8/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Văn Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đồng Văn Hóa**

Ông Lê Quang Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Thương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Phước Nhân**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo.

1. Nguyễn Quốc H (tên gọi khác: H Rùa), sinh năm 1978; tại Bạc Liêu; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Hiệp, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954; 01 con sinh năm 2000; Nơi cư trú: Khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; tại: Bình Dương; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Bùi Thị D, sinh năm 1963; có vợ là Thị Tr, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2017; nơi cư trú: ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1964 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phước Thành, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Số 148, tổ 2, Vĩnh Tiến, Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

* Người bị hại:

Bà Lê Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2B, khu phố Tân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Thị Tr, sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bung Xê, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước..

Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 36, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Anh Lê Quang Bá D, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2B, khu phố Tân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn Ph có chiếc xe ô tô biển kiểm soát (BKS): 51A-416.37 không có giấy tờ hợp pháp (xe bị đục số khung, số máy, giấy tờ giả). Trong quá trình sử dụng, cả ba làm hợp đồng ủy quyền giả để đi cầm cố cho người khác lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Vào khoảng tháng 9/2015, H nhờ Nguyễn Văn Kh tìm người cầm cố xe ô tô với số tiền 500.000.000 đồng. Kh hỏi Nguyễn Thị O (là người quen của Kh) xem có ai nhận cầm cố xe không. Do trước đây giữa O và chị Lê Thị Th có làm ăn chung và cho người khác vay tiền nên O gọi điện thoại cho Th hỏi có cầm cố xe ô tô không, Th hỏi O nguồn gốc xe như thế nào, nếu đúng nguồn gốc thì cầm, O nói với Th là sẽ nhờ người đi coi xe. Sau đó, O và Kh liên lạc với H để kiểm tra xe ô tô BKS 51A-416.37. Qua kiểm tra số khung, số máy của xe thì thấy trùng khớp với giấy chứng nhận đăng ký xe nên Kh nói cho O biết là xe có giấy tờ hợp pháp thì O gọi điện báo lại cho Th

nên Th đồng ý cầm xe. Do Th không có giấy phép cầm đồ nên Th và O thống nhất với nhau là sẽ làm hợp đồng mua bán xe nếu trong thời gian 02 tháng mà người cầm cố xe ô tô không chuộc lại thì Th sẽ làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó, O thỏa thuận với H như nội dung trên và H đồng ý. Ngày 21/9/2015, Th kêu con trai là Lê Quang Bá D cầm số tiền 500.000.000 đồng mang xuống Văn phòng Công chứng ĐP tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước gặp O để làm hợp đồng mua bán xe. Khi gặp Kh và O tại Văn phòng Công chứng ĐP thì Nguyễn Văn T giới thiệu tên của mình là Cao Minh H (tên của người nhận ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền mà T, H, Ph làm giả trước đó) là chủ sở hữu chiếc xe ô tô và đưa ra bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến xe ô tô để ký hợp đồng bán xe. T ký, viết tên của mình là Cao Minh H và lấn dấu vân tay của mình vào hợp đồng mua bán xe ô tô được Văn phòng Công chứng ĐP lập. Sau đó, H, T, Ph, O, Kh, D ra quán ăn “Nthur Ý” tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú ăn trưa. Tại đây, D đưa số tiền 500.000.000 đồng cho O để O đưa cho T nhưng thực tế O chỉ đưa cho T 450.000.000 đồng và giữ lại 50.000.000 đồng (tiền lãi suất cầm cố xe trong 02 tháng) thì T, H, Ph đồng ý. T, H, Ph đếm đủ số tiền 450.000.000 đồng, H đưa cho Kh 10.000.000 đồng tiền hoa hồng nhờ cầm cố xe. O cầm số tiền 50 triệu đồng lãi suất đưa cho D để đem về cho Th. D đem xe ô tô về gửi tại nhà O tại huyện Đồng Phú. Hết thời gian đã thỏa thuận như trong hợp đồng nhưng không thấy T đến chuộc lại xe nên chị Th và D đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục sang tên chủ sở hữu thì được biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 51A-416.37 không đúng trong dữ liệu đăng ký xe. Nghi ngờ mình bị lừa đảo nên anh D làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước.

Quá trình điều tra, truy tố, T và H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên mà chỉ khai nhận như sau:

Nguyễn Văn T khai nhận vào ngày 21/9/2015 trong lúc đang đi chơi với Nguyễn Tấn Ph thì H điện thoại Ph cùng T đến quán cà phê gặp H. H nhờ Ph, T đi cầm xe ô tô giúp nếu được sẽ cho mỗi người 5.000.000 đồng thì Ph và T đồng ý. Sau đó, Ph chở T đi chụp hai tấm hình chân dung 3x4 đưa cho H rồi H dùng hình 3x4 dán vào, đưa cho T chứng minh nhân dân có dán hình của T nhưng tên Cao Minh H (tên của người nhận ủy quyền trong hợp đồng ủy quyền) và hồ sơ xe ô tô BKS: 51A-416.37 cho T. H dặn T quá trình cầm cố và ký giấy tờ thì sử dụng tên là Cao Minh H để phù hợp với chủ sở hữu xe ô tô. T cùng Ph đến Văn phòng công

chứng huyện ĐP làm thủ tục bán xe ô tô cho Duy. Khi ký và lăn tay vào hợp đồng mua bán xe, Tiến sử dụng tên Cao Minh H và nhận số tiền 450.000.000 đồng từ O. Sau đó, T đưa lại tiền cho H và được H cho 4.500.000 đồng.

Nguyễn Quốc H khai: Do quen biết T nên T nhờ H tìm người cầm xe ô tô thì H nhờ Nguyễn Văn Kh tìm người cầm xe cho T. Trong thời gian nhờ tìm người cầm xe thì T nhờ H tìm người làm hợp đồng ủy quyền giả để phù hợp với xe, sau đó Tiến nhờ H lăn tay vào hợp đồng giả. Sau khi cầm được xe, H được O cho số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2017, Nguyễn Văn T đã giao nộp số tiền 4.500.000 đồng thu lợi bất chính trong vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng, BKS: 51A – 416.37, số khung: 4T1BE46K07U163532 (do Nguyễn Thị O giao nộp).

* Thu giữ của Nguyễn Văn T:

- 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, màu sơn bạc, BKS: 61A – 450.84, số khung: RL4ZR69G8E4020806, số máy: 2KDU658625;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imel: 3553540813835533;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353408095954796;

Kết luận giám định số 341/2017/GĐ-KTHS ngày 09/8/2017, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Xe ô tô Số khung: Hàn thanh kim loại có dây chũ, số tự đục vào; số máy: mài mòn đục mới.

Kết luận giám định số 25/2018/GĐ-KTHS ngày 30/01/2018, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Dấu vết đường vân cần giám định của người có tên Cao Minh H trong hợp đồng mua bán xe ngày 21/9/2015, số công chứng 003282, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD với lần lượt dấu vân tay ngón “Trỏ trái”, “Trỏ phải” in trên biên bản thu mẫu vân tay của Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người.

Kết luận số 321/2018/GĐ-KTHS ngày 23/10/2018, của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đàm Sen địa chỉ trụ sở 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Phước cung cấp với dấu vân tay trên

biên bản thu mẫu vân tay lúc 16h00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: Ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Đỗ Gia A trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đàm Sen địa chỉ trụ sở 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285563137 ghi tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 29/3/1978, HKTT: khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước cung cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Võ Thị L trong hợp đồng ủy quyền số 032405 quyền số 04TP/HĐGD công chứng ngày 26/01/2015 tại Văn phòng công chứng Đàm Sen địa chỉ trụ sở 277 Minh Phụng, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước (PC01) cung cấp với dấu vân tay in trên bản sao tờ khai chứng minh nhân dân số 285666347 ghi tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 24/10/1992 HKTT: khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cung cấp là do cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu dấu vân tay lúc 16 giờ 00 ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: Ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

- Dấu vân tay ghi tên Cao Minh H trong giấy cam kết nhận tiền năm 2015 phía sau có chữ ký, chữ viết ghi tên Cao Minh H “Tôi tên Cao Minh H đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Năm trăm triệu chẵn” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị O với dấu vân tay trên biên bản thu mẫu vân tay lúc 16 giờ ngày 08/01/2018 tại Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước của đối tượng Nguyễn Văn T, SN: 1988, HKTT: Ấp Bình An, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước cấp là của cùng một người in ra.

Kết luận số 321/2018/GĐKTHS ngày 12/11/2018 của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Chữ ký mang tên THƯỢNG TÁ Nguyễn Hoàng Diệp trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của THƯỢNG TÁ Nguyễn Hoàng Diệp – Phó Trưởng phòng CSGT ĐB-ĐS Công an thành phố Hồ Chí Minh trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình tròn nội dung “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐÀM SEN * S.Đ.K.H Đ 41020032 – T.P* QUẬN 11- TP.HỒ CHÍ MINH*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu mẫu trên tài liệu ký hiệu M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết tay ghi “tôi đã đọc ...rõ và đồng ý” ở mặt trước và “Tôi Tên Cao Minh H đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ. Năm trăm triệu chẵn” trên mặt sau của tài liệu cần giám định ký hiệu A3; “Tôi đã đọc Hiểu rõ và đồng ý” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 31/2019/CTVKS ngày 23/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3, Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 08 năm đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và người bị hại Lê Thị Th buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho người bị hại bà Lê Thị Th số tiền 450.000.000 đồng, khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng các bị cáo đã nộp; đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thêm cho người bị hại bà Lê Thị Th số tiền thiệt hại phát sinh là 90.000.000 đồng theo yêu cầu bồi thường tại phiên tòa.

Đề nghị xử lý vật chứng đã thu giữ, xử lý tiền thu lợi bất chính theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xác định vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T chỉ là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Quốc H, có hoàn cảnh khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải bồi thường cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 450.000.000 đồng mà không buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường đối với số tiền 90.000.000 đồng thiệt hại phát sinh.

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước trình bày lời luận tội đối với bị cáo và kết luận đối với vụ án, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T không có tranh luận gì về phần tội danh, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Nguyễn Quốc H khai nhận: Vào khoảng năm 2014, bị cáo Nguyễn Quốc H mua của một người không rõ họ tên tại Bù Đốp chiếc xe ô tô BKS 51A-416.37 hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng với giá 400.000.000 đồng. khi mua, bị cáo biết xe ô tô nói trên không có giấy tờ nhưng do ham rẻ nên mua về sử dụng. Năm 2015, do mắc nợ nhiều người nên bị cáo Nguyễn Quốc H nảy sinh ý định nhờ người làm giả giấy tờ xe ô tô BKS 51A-416.37 để bán thu hồi vốn. Do vậy, bị cáo đã đến Tp.HCM gặp một người không rõ họ tên thuê làm bộ hồ sơ ủy quyền giả (từ con dấu đến các thông tin trong hợp đồng ủy quyền). Sau khi có hợp đồng ủy quyền giả, vào khoảng tháng 9/2015 bị cáo đã nhờ bạn là Nguyễn Văn Kh tìm người cầm cố hoặc mua bán xe ô tô với số tiền 500.000.000 đồng.

Sau khi được Nguyễn Văn Kh giới thiệu bà Lê Thị Th cầm cố xe, Nguyễn Quốc H đã nhờ Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Ph (em trai của Hùng) ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng ủy quyền giả và đến Văn phòng Công chứng ĐP để thực hiện ký hợp đồng mua bán xe và giao nhận tiền.

Sau khi Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Ph và đại diện gia đình bà Lê Thị Th ký xong hợp đồng thì hai bên gặp nhau tại quán ăn Như Ý để ăn trưa và giao nhận xe và số tiền 450.000.000 đồng dùng vào việc trả nợ, tiêu xài hết.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Quốc H là phù hợp với lời

khai của bị cáo Nguyễn Văn T, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 21/9/2015, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và bị can Nguyễn Tấn Ph (hiện đang bị truy nã) sử dụng xe ô tô không có giấy tờ hợp pháp và thuê người làm giấy tờ giả của xe ô tô BKS 51A-416.37 để nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt 450.000.000 đồng của bà Lê Thị Th, Lê Quang Bá D bằng giao dịch bán xe tại Khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T đã khai nhận trên đây đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 450.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi sung năm 2017 là “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Hành vi mà các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, khách thể được luật hình sự bảo vệ; gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm do bị cáo Nguyễn Quốc H là người khởi xướng, chủ mưu, rủ rê người khác cùng phạm tội. Bản thân bị cáo biết rõ xe ô tô BKS 51A-416.37 không có giấy tờ hợp pháp, không được lưu hành, đã tự mình thuê người khác làm giả giấy tờ xe (làm giả hợp đồng ủy quyền sử dụng, định đoạt xe ô tô BKS 51A-416.37) nhằm mục đích cầm cố hoặc mua bán xe ô tô BKS 51A-416.37 để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội với vai trò giúp sức tích cực, đã cùng với bị cáo Nguyễn Quốc H, đối tượng Nguyễn Tấn Ph ký, điểm chỉ vào các hợp đồng ủy quyền giả mà bị cáo Nguyễn Quốc H đã chuẩn bị sẵn, sử dụng CMND của người khác bị mất, dán hình của mình và cùng bị cáo Nguyễn Quốc H, đối tượng Nguyễn Tấn Ph đến Văn phòng Công chứng ĐP để ký, điểm chỉ nhằm mục đích được chứng thực hợp đồng mua bán xe nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Th.

Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T đã thực hiện là rất nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối (thuê người làm giả giấy tờ xe ô tô, sử dụng chứng minh nhân dân của người khác bị mất dán hình của mình để giả mạo người khác) nhằm hợp thức hóa xe ô tô BKS 51A-416.37 thông qua hình thức cầm

cổ, mua bán để chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Th với tổng số tiền 450.000.000 đồng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của cá nhân là vi phạm pháp luật, song vì coi thường quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên. Xét tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T đã thực hiện, cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; quá trình tạm giam, các bị cáo đã tác động đến gia đình nộp thay cho mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo Nguyễn Quốc H có thân nhân là người có công, bị cáo Nguyễn Văn T có vợ đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt .

[3].Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt như trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa là phù hợp một phần nên được chấp nhận một phần. Đối với đề nghị của Luật sư về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt dưới khung của điều luật quy định, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng số tiền bị cáo đã nộp để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo là nhỏ so với số tiền thiệt hại bị cáo phải bồi thường, song đã được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị nói trên của Luật sư.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và người bị hại bà Lê Thị Th đã thỏa thuận với nhau về trách nhiệm dân sự, theo đó các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho người bị hại bà Lê Thị Th số tiền 450.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và những người bị hại, không trái pháp luật nên cần ghi

nhận. Xét cần buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bà Lê Thị Th số tiền 450.000.000 đồng (tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 225.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Th, anh Lê Quang Bá D đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 90.000.000 đồng thiệt hại phát sinh gồm: Tiền thuê xe, thuê người tìm kiếm các bị cáo sau khi phát hiện vụ việc lừa đảo để đòi lại số tiền bị chiếm đoạt, tiền tổn thất về tinh thần.... Xét thấy, tại phiên tòa, bà Lê Thị Th cũng như anh Lê Quang Bá D đưa ra yêu cầu nói trên nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để buộc các bị cáo bồi thường mà cần tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi bà Lê Thị Th, anh Lê Quang Bá D có đơn yêu cầu.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng, BKS: 51A – 416.37, số khung: 4T1BE46K07U163532 (do bà Nguyễn Thị O giao nộp) không có giấy tờ hợp pháp, là phương tiện cầm lưu hành, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tuyên giao cho Công an huyện Đồng Phú xác minh làm rõ chủ sở hữu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, màu sơn bạc, BKS: 61A – 450.84, số khung: RL4ZR69G8E4020806, số máy: 2KDU658625 đã thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T. Đây là tài sản chung của chị Thị Tr và bị cáo Nguyễn Văn T, đã bị thu giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án sau này. Tuy nhiên, trước khi thu giữ, bị cáo Nguyễn Văn T và chị Thị Tr đã thế chấp dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại Cổ phần quốc tế Việt Nam (VIB) – Phòng giao dịch Lê Đại Hành, TP.HCM nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T và chị Thị Tr. theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imel: 3553540813835533; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353408095954796, 04 thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn T, CMND, Giấy phép lái xe hạng A3 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/3/2016, 01 giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/02/2015, 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Nhân thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T là tài sản, giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên cần

tuyên trả cho bị cáo theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với bị can Nguyễn Tấn Ph sau khi phạm tội đã bỏ trốn; ngày 26/4/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú đã có Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 04 và truy nã, Viện KSND huyện Đồng Phú không đề cập đến việc xử lý nên Hội đồng xét xử không xử lý trong vụ án này.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Nguyễn Văn Kh nhận từ bà Nguyễn Thị O có được do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc H mà có; số tiền 5.000.000 đồng bà Nguyễn Thị O giao cho bị cáo Nguyễn Quốc H là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng và buộc ông Nguyễn Văn Kh phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng đã nhận.

[7]. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải nộp hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 326 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, các Điều 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam là ngày 13/02/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, các Điều 38, 50, 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam là ngày 11/10/2018.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T và người bị hại bà Lê

Thị Th. Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho người bị hại bà Lê Thị Th số tiền 450.000.000 đồng (tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường 225.000.000 đồng). Được khấu trừ số tiền mỗi bị cáo đã nộp là 20.000.000 đồng, số tiền còn lại là 410.000.000 đồng (tương ứng mỗi bị cáo phải bồi thường là 205.000.000 đồng) buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải tiếp tục bồi thường cho bà Lê Thị Th.

- Tách yêu cầu của bà Lê Thị Th, anh Lê Quang Bá D về việc yêu cầu các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 90.000.000 đồng thiệt hại phát sinh gồm: Tiền thuê xe, thuê người tìm kiếm các bị cáo sau khi phát hiện vụ việc lừa đảo để đòi lại số tiền bị chiếm đoạt, tiền tổn thất về tinh thần.... để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi bà Lê Thị Th, anh Lê Quang Bá D có đơn yêu cầu.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên:

- Giao cho Công an huyện Đồng Phú quản lý, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật đối với 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota Camry, màu sơn trắng, BKS: 51A – 416.37, số khung: 4T1BE46K07U163532 (do bà Nguyễn Thị O giao nộp).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T và chị Thị Tr là 01 xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, màu sơn bạc, BKS: 61A – 450.84, số khung: RL4ZR69G8E4020806, số máy: 2KDU658625 đã thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số Imel: 3553540813835533; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imel: 353408095954796, 04 thẻ ATM mang tên Nguyễn Văn T, CMND, Giấy phép lái xe hạng A3 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/3/2016, 01 giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/02/2015, 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Nhân thu giữ từ bị cáo Nguyễn Văn T

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp trong quá trình điều tra vụ án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng có được do thu lợi bất chính.

Buộc ông Nguyễn Văn Kh nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng có được do người khác phạm tội mà có.

3.Án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đồng hình sự sơ thẩm và 10.250.000 đồng án phí dân sự có giá

ngạch.

Các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn T, người bị hại bà Lê Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thị Tr, bà Trần Thị Nh, anh Lê Quang Bá D, ông Nguyễn Văn Kh, bà Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện Đồng Phú;
 - CA huyện Đồng Phú;
 - THADS huyện Đồng Phú;
 - TT lý lịch tư pháp
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;*
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
 - Bị cáo; người tham gia tố tụng;
 - Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung